BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2540/QĐ-BTNMT	

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế quản lý dự án đầu tư công của Bộ Tài nguyên và Môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý dự án đầu tư công của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm chỉ đạo đơn vị thực hiện theo đúng quy định của Quy chế này và các quy định hiện hành của nhà nước; chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và trước pháp luật về việc tổ chức thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế những quy định trước đây về quản lý dự án đầu tư công do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, KHTC. PH (45).

BỘ TRƯỞNG

Trần Hồng Hà

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Quản lý dự án đầu tư công của Bộ Tài nguyên và Môi trường

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2540/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

1. Quy chế này quy định nội dung về trình tự, thủ tục và trách nhiệm, quyền hạn của các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý dự án đầu tư công thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Các dự án đầu tư công thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện theo quy định của Pháp luật hiện hành và Quy định để thực hiện trình tự đầu tư: đề xuất chủ trương đầu tư; lập, thẩm định đăng ký kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm và hàng năm; lập, thẩm định, phê duyệt dự án (hoặc Báo cáo - kinh tế kỹ thuật), kế hoạch thực hiện; phê duyệt thiết kế, dự toán (tổng dự toán); tổ chức quản lý dự án; giám sát đánh giá đầu tư; thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công; kết thúc bàn giao đưa vào khai thác sử dụng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chủ đầu tư:* là đơn vị được Bộ trưởng giao quản lý và sử dụng nguồn vốn đầu tư để thực hiện dự án đầu tư công thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

2. *Cơ quan cấp trên của Chủ đầu tư:* là đơn vị trực thuộc Bộ có các đơn vị trực thuộc được Bộ giao làm Chủ đầu tư.

3. *Người quyết định đầu tư:* là cấp thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư (Lãnh đạo Bộ hoặc Thủ trưởng các đơn vị được Bộ phân cấp phê duyệt dự án đầu tư).

4. *Ban Quản lý dự án:* là các Ban Quản lý dự án do Bộ hoặc chủ đầu tư thành lập; được người quyết định đầu tư giao giúp các Chủ đầu tư tổ chức quản lý các dự án đầu tư công thuộc phạm vi quản lý của Bộ theo quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

Chương II

LẬP, THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG

Điều 3. Đề xuất chủ trương đầu tư

1. Các đơn vị trực thuộc Bộ căn cứ vào Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, đơn vị được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức lập Báo cáo đề xuất Chủ trương đầu tư dự án đầu tư công, trình Bộ trưởng xem xét phê duyệt.

2. Nội dung Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo quy định tại Điều 36 Luật Đầu tư công. Trong đó, phải đề xuất rõ các giải pháp tổ chức thực hiện. Bao gồm: Chủ đầu tư, thời gian thực hiện, cơ quan phối hợp thực hiện, phương án vận hành khai thác sử dụng kết quả đầu tư...

Điều 4. Thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư

1. Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng có liên quan thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư do các đơn vị thuộc Bộ đề xuất. Tổng hợp ý kiến đóng góp của các đơn vị; yêu cầu đơn vị đề xuất chỉnh sửa, hoàn thiện trong trường hợp chưa đảm bảo yêu cầu theo quy định của pháp luật và hoàn chỉnh hồ sơ báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét và quyết định theo trình tự, thủ tục quy định.

2. Căn cứ ý kiến thẩm định nguồn vốn, khả năng cân đối vốn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì rà soát, tổng hợp dự thảo quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt.

Điều 5. Thẩm quyền, điều kiện quyết định chủ trương đầu tư

1. Bộ trưởng quyết định chủ trương đầu tư dự án thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại Điều 17 của Luật Đầu tư công.

2. Điều kiện quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo quy định tại Điều 18 của Luật Đầu tư công.

Điều 6. Lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn

1. Vụ Kế hoạch - Tài chính căn cứ vào quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư công hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ lập kế hoạch đầu tư công trung hạn, chủ trì tổ chức thẩm định theo đúng quy định tại Luật Đầu tư công và các Nghị định hướng dẫn thi hành.

2. Các đơn vị theo chức năng nhiệm vụ được giao thực hiện việc báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách đơn vị (theo phân công của Bộ trưởng) để hoàn thiện kế hoạch đầu tư công trung hạn đảm bảo thời gian quy định.

3. Sau khi nhận được kế hoạch của các đơn vị lập và đề xuất, Vụ Kế

hoạch - Tài chính rà soát, lấy ý kiến các đơn vị có liên quan; xin ý kiến các Lãnh đạo Bộ và tiếp thu, hoàn chỉnh, tổng hợp chung kế hoạch đầu tư công trung hạn của Bộ trình Bộ trưởng xem xét, phê duyệt.

Điều 7. Lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công hàng năm

1. Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ lập kế hoạch đầu tư công hàng năm theo đúng quy định tại Luật Đầu tư công và các quy định hướng dẫn thực hiện Luật Đầu tư công.

2. Các đơn vị lập, đề xuất kế hoạch đầu tư công hàng năm đảm bảo các nguyên tắc sau:

2.1. Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, kế hoạch đầu tư công trung hạn của Bộ; kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm trước của đơn vị.

2.2. Phù hợp với nhu cầu và tiến độ thực hiện, khả năng cân đối các nguồn lực của đơn vị trong năm kế hoạch.

2.3. Trường hợp thực hiện các nhiệm vụ cấp bách, đột xuất mới phát sinh chưa có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn thì làm văn bản trình Lãnh đạo Bộ xin ý kiến để thực hiện về chủ trương đầu tư.

3. Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thẩm định đề xuất Kế hoạch hàng năm của các đơn vị, tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Bộ theo tiêu chí sau:

3.1. Tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn được cấp có thẩm quyền quyết định.

3.2. Thực hiện đúng mục tiêu, định hướng phát triển trong chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch đã được phê duyệt. Không bố trí vốn cho chương trình, dự án không thuộc lĩnh vực đầu tư công.

3.3. Căn cứ vào nguồn vốn được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo và đánh giá tình hình thực hiện triển khai các dự án của các đơn vị, việc bố trí vốn thực hiện theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch; vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư.

- Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt.

- Dự án khởi công mới có đầy đủ thủ tục theo quy định.

Căn cứ vào những nội dung trên, Vụ Kế hoạch - Tài chính rà soát, tổng hợp, dự kiến phân bổ chi tiết kế hoạch vốn cho các dự án để thực hiện trong kế hoạch năm sau, trình Bộ trưởng xem xét, phê duyệt.

Điều 8. Tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn

1. Sau khi nhận được quyết định giao kế hoạch đầu tư công trung hạn của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm:

1.1. Báo cáo Bộ trưởng thông báo kế hoạch đầu tư công trung hạn cho các đơn vị có liên quan để triển khai thực hiện đảm bảo đúng quy định tại Luật Đầu tư công và các Nghị định hướng dẫn thi hành.

1.2. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan theo dõi, đánh giá, đôn đốc và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn thuộc phạm vi quản lý của Bộ; tham mưu cho Bộ trưởng điều chỉnh, bổ sung kế hoạch nếu trong quá trình thực hiện có phát sinh những vấn đề cần thiết, cấp bách.

2. Các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn của Bộ Tài nguyên và Môi trường theo đúng quy định hiện hành:

2.1. Tổ chức đăng ký mã số dự án, mở tài khoản giao dịch tại Kho bạc trong thời gian 45 ngày sau khi có quyết định chủ trương đầu tư gửi Vụ Kế hoạch - Tài chính để tổng hợp, thông báo kế hoạch vốn cho dự án.

2.2. Căn cứ vào tiến độ thực hiện của dự án, các đơn vị có vốn đầu tư công đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công, gửi Vụ Kế hoạch – Tài chính tổng hợp, xem xét, trình Lãnh đạo Bộ.

Điều 9. Tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công hàng năm

1. Sau khi nhận được quyết định giao kế hoạch đầu tư công hàng năm của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm:

1.1. Thực hiện báo cáo Bộ trưởng thông báo kế hoạch đầu tư công hàng năm cho các đơn vị có liên quan trước ngày 31 tháng 12 năm trước năm kế hoạch (Trường hợp được giao bổ sung kế hoạch, chậm nhất 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao kế hoạch bổ sung).

1.2. Nhập thông tin về kế hoạch vốn đầu tư cho các dự án trên hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (TABMIS) chậm nhất 05 ngày làm việc, kể từ ngày giao kế hoạch vốn đầu tư.

1.3. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan theo dõi, đánh giá, đôn đốc và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công hàng năm thuộc phạm vi quản lý của Bộ; báo cáo Lãnh đạo Bộ để thực hiện điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trong trường hợp thực hiện dự án có những nội dung phát sinh cấp thiết.

2. Các đơn vị cấp trên trực tiếp của Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án) đôn đốc việc quản lý tổ chức thực hiện dự án đầu tư công hàng năm, định kỳ báo cáo

Bộ (qua Vụ Kế hoạch – Tài chính) về tình hình triển khai, thực hiện kế hoạch vốn hàng năm của dự án theo quy định.

3. Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án) tổ chức thực hiện các dự án đầu tư công hàng năm được giao, báo cáo cơ quan cấp trên trực tiếp về kế hoạch, tiến độ, tổ chức triển khai dự án chậm nhất 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kế hoạch vốn. Định kỳ báo cáo Bộ (qua Vụ Kế hoạch – Tài chính) về tình hình triển khai, thực hiện kế hoạch vốn hàng năm theo quy định.

Điều 10. Chế độ báo cáo dự kiến, tình hình thực hiện, giải ngân và đánh giá kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm

1. Các Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án) thực hiện việc việc đăng ký và quản lý tài khoản; thực hiện chế độ báo cáo trên Hệ thống thông tin, dữ liệu về đầu tư công, theo quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo về tình hình thực hiện, giải ngân và đánh giá kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm của Bộ theo định kỳ và thời hạn quy định tại Điều 48, Điều 49 Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ.

3. Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án) thực hiện báo cáo bằng văn bản tình hình thực hiện, giải ngân từng dự án gửi Bộ (qua Vụ Kế hoạch – Tài chính) và cơ quan cấp trên trực tiếp theo biểu mẫu quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Đồng thời gửi vào địa chỉ email: vukhtc@monre.gov.vn để tổng hợp, báo cáo.

3.1. Báo cáo tháng: Trước ngày 03 hàng tháng, báo cáo tình hình thực hiện, giải ngân kế hoạch đầu tư công tháng trước.

3.2. Báo cáo Quý I: Trước ngày 08 tháng 4 hàng năm, báo cáo tình hình thực hiện, giải ngân kế hoạch đầu tư công hằng năm của Quý I.

3.3. Báo cáo Quý II và 6 tháng đầu năm: Trước ngày 08 tháng 7 hàng năm, báo cáo tình hình thực hiện, giải ngân kế hoạch đầu tư công hằng năm của Quý II và 6 tháng đầu năm.

3.4. Báo cáo Quý III: Trước ngày 08 tháng 10 hằng năm báo cáo tình hình thực hiện, giải ngân kế hoạch đầu tư công hằng năm của Quý III.

3.5. Báo cáo Quý IV và cả năm: Trước ngày 26 tháng 02 năm sau, báo cáo tình hình thực hiện, giải ngân kế hoạch đầu tư công hằng năm của năm trước.

Chương III

LẬP, THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG

Điều 11. Công tác chuẩn bị đầu tư

1. Căn cứ chủ trương đầu tư đã được phê duyệt, Chủ đầu tư lập đề cương và dự toán chuẩn bị đầu tư trình Bộ phê duyệt trong thời gian 45 ngày kể từ ngày có quyết định giao kế hoạch vốn.

2. Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định đề cương và dự toán chuẩn bị đầu tư trình Bộ phê duyệt. Thời gian thẩm định tối đa là 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định. Thời gian lấy ý kiến của các đơn vị có liên quan tối đa là 10 ngày.

Điều 12. Lập, trình phê duyệt dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật)

1. Hồ sơ thẩm định dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật):

- Tờ trình thẩm định của Chủ đầu tư.

- Các văn bản pháp lý: Chủ trương cho phép đầu tư; Dự án đầu tư được đơn vị tư vấn hoặc Chủ đầu tư lập theo quy định; Kế hoạch vốn về công tác chuẩn bị đầu tư được cấp có thẩm quyền giao.

2. Nội dung thẩm định dự án theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn và được thẩm định, cụ thể theo một số nội dung cơ bản sau:

- Thẩm định về tính pháp lý của dự án bao gồm: sự phù hợp về quy hoạch, chiến lược của ngành.

- Nội dung về dự án: Quy mô, quy trình, dây chuyền công nghệ... mà dự án đề xuất; Cơ chế tài chính cho dự án; Năng lực của Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án) tổ chức điều hành dự án. Trong trường hợp dự án có quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp thì phải thực hiện thẩm định thêm năng lực của cơ quan tư vấn.

3. Tổ chức thực hiện:

3.1. Đối với Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án):

3.1.1. Tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định hiện hành. Trong quá trình triển khai, Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện một số nội dung công việc sau:

- Xin ý kiến cơ quan cấp trên trực tiếp của chủ đầu tư về nội dung, quy mô, hình thức đầu tư và kế hoạch triển khai thực hiện đầu tư dự án. Cơ quan cấp

trên của Chủ đầu tư có trách nhiệm có ý kiến bằng văn bản trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Chủ đầu tư.

- Tổ chức hội thảo (nếu cần thiết) để lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia và các đơn vị có liên quan.

- Hoàn thiện hồ sơ dự án theo quy định hiện hành trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt đảm bảo đúng tiến độ. Đối với dự án dự kiến khởi công mới trong kế hoạch năm sau, Chủ đầu tư có trách nhiệm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án trước ngày 30 tháng 9 của năm trước năm kế hoạch dự kiến khởi công mới.

3.1.2. Ban Quản lý dự án được người quyết định đầu tư giao nhiệm vụ hoặc ban quản lý dự án do chủ đầu tư tự thành lập có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ theo ủy thác hoặc nhiệm vụ được Chủ đầu tư giao.

3.1.3. Cơ quan cấp trên trực tiếp của chủ đầu tư có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc Chủ đầu tư lập dự án đảm bảo mục tiêu, quy mô và tiến độ theo chủ trương đầu tư đã được phê duyệt.

3.1.4. Các cơ quan chuyên môn thuộc Bộ có trách nhiệm tham gia đóng góp ý kiến về dự án theo chức năng nhiệm vụ được giao khi có văn bản đề nghị của Chủ đầu tư.

3.2. Đối với Vụ Kế hoạch – Tài chính:

3.2.1. Thực hiện chủ trì tổ chức thẩm định dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Bộ trưởng, trình tự, thủ tục thẩm định dự án như sau:

- Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm chủ trì tổ chức thẩm định dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng và đầu tư công. Trong quá trình thẩm định, Vụ Kế hoạch - Tài chính gửi văn bản (kèm theo hồ sơ) để lấy ý kiến tham gia thẩm định của các đơn vị chức năng có liên quan trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình duyệt theo đúng quy định hiện hành.

- Các đơn vị chuyên môn thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm đóng góp bằng văn bản sau 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Vụ Kế hoạch - Tài chính.

- Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ ý kiến thẩm định của các đơn vị liên quan, Vụ Kế hoạch - Tài chính tổng hợp, yêu cầu đơn vị hoàn thiện hồ sơ (nếu cần thiết) hoặc tổ chức thẩm định trình lãnh đạo Bộ phê duyệt dự án.

3.2.2. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định theo phân cấp tại Điều 13 Quy chế này, các đơn vị theo phân cấp tổ chức thẩm định, phê duyệt theo quy định hiện hành.

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc (kể từ khi dự án được phê duyệt), đơn vị có trách nhiệm gửi hai (02) bộ Quyết định phê duyệt kèm theo Báo cáo thẩm định và tài liệu dự án đã được đóng dấu chính thức về Bộ để theo dõi và quản lý. Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thẩm định và phê duyệt dự án được Bộ phân cấp bảo đảm tuân thủ đúng các quy định hiện hành. Trường hợp phát hiện vi phạm, báo cáo Lãnh đạo Bộ để xử lý kịp thời.

Điều 13. Thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư

1. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định đầu tư các dự án thuộc phạm vi quản lý của Bộ theo quy định của Luật Đầu tư công; các dự án có tính chất liên ngành, liên vùng; các dự án ứng dụng khoa học công nghệ mới, có tính chất chuyên môn đặc biệt, đầu tư trang thiết bị chuyên dùng kỹ thuật cao, không phân biệt tổng mức vốn đầu tư.

2. Phân cấp quyết định đầu tư các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công thuộc phạm vi quản lý của Bộ như sau:

2.1. Tổng cục trưởng các Tổng cục: Biển và Hải đảo Việt Nam; Địa chất và Khoáng sản Việt Nam; Quản lý đất đai; Môi trường; Khí tượng Thuỷ văn; Tổng giám đốc Trung tâm Quy hoạch và Điều tra Tài nguyên nước quốc gia quyết định đầu tư các dự án dự án nhóm C do các đơn vị trực thuộc làm chủ đầu tư có tổng mức vốn dưới 45 tỷ đồng.

2.2. Cục trưởng các Cục: Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam; Quản lý Tài nguyên nước; Biến đổi khí hậu; Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên, môi trường; Viễn thám quốc gia quyết định đầu tư các dự án nhóm C do các đơn vị trực thuộc làm chủ đầu tư có tổng mức vốn dưới 20 tỷ đồng.

Điều 14. Điều chỉnh dự án đầu tư

1. Trường hợp được điều chỉnh dự án đầu tư làm thay đổi nội dung trong chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án, chủ đầu tư phải báo cáo Bộ. Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì thẩm định, trình lãnh đạo Bộ xem xét quyết định.

2. Đối với các dự án điều chỉnh làm tăng tổng mức vốn đầu tư do yếu tố trượt giá nhưng không làm thay đổi mục tiêu, quy mô, tuy nhiên không vượt tổng mức đầu tư dự kiến trong quyết định chủ trương đầu tư thì chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư xem xét quyết định.

3. Trường hợp chỉ điều chỉnh cơ cấu các khoản mục chi phí gồm cả chi phí dự phòng nhưng không làm thay đổi giá trị tổng mức đầu tư xây dựng đã phê duyệt thì chủ đầu tư tổ chức điều chỉnh, báo cáo người quyết định đầu tư và chịu trách nhiệm về việc điều chỉnh của mình.

Chương IV

LẬP, THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT THIẾT KẾ - DỰ TOÁN

Điều 15. Thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình

1. Hồ sơ thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng

1.1. Tờ trình thẩm định thiết kế theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng. Chủ đầu tư gửi hồ sơ thiết kế tới cơ quan chuyên môn về xây dựng để thẩm định, gồm:

1.2. Các văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; hoặc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình, trừ công trình nhà ở riêng lẻ.

- Hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt cùng dự án đầu tư xây dựng;

- Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);

- Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

- Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư về sự phù hợp của hồ sơ thiết kế so với quy định hợp đồng.

- Các văn bản khác có liên quan.

1.3. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng;

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;

- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

1.4. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;

- Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);

- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế (bản sao)

1.5. Người đề nghị thẩm định có trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ trước khi trình thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình; Trình thẩm định thiết kế xây

dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán xây dựng công trình (Chủ đầu tư Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình):

Hồ sơ trình thẩm định được gửi đến Vụ Kế hoạch – Tài chính để thẩm định.

2. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình thuộc dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước

2.1. Thẩm quyền thẩm định thiết kế, dự toán: Vụ Kế hoạch – Tài chính chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng của các dự án.

2.2. Thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng:

- Người quyết định đầu tư: phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế ba bước; phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế hai bước;

- Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế ba bước.

3. Thẩm định, phê duyệt dự toán xây dựng công trình

3.1. Thẩm định dự toán xây dựng công trình được thực hiện đồng thời với việc thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công.

3.2. Nội dung thẩm định dự toán xây dựng công trình gồm:

- Kiểm tra sự phù hợp khối lượng công tác xây dựng, chủng loại và số lượng thiết bị trong dự toán so với khối lượng, chủng loại và số lượng thiết bị tính toán từ thiết kế xây dựng, công nghệ;

- Kiểm tra tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng định mức dự toán, giá xây dựng của công trình và quy định khác có liên quan trong việc xác định các khoản mục chi phí của dự toán xây dựng công trình;

- Xác định giá trị dự toán xây dựng công trình sau thẩm định và kiến nghị giá trị dự toán xây dựng để cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Đánh giá mức độ tăng, giảm của các khoản mục chi phí, phân tích nguyên nhân tăng, giảm so với giá trị dự toán xây dựng công trình đề nghị thẩm định.

3.3. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự toán xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

3.4. Đối với các công trình thuộc dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, B và C có kỹ thuật phức tạp hoặc áp dụng công nghệ cao, Vụ Kế hoạch – Tài chính yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn tổ chức tư vấn quản lý chi phí đủ điều kiện năng lực theo quy định tại Nghị định về quản lý dự án đầu tư xây dựng thực hiện

thẩm tra dự toán xây dựng công trình làm cơ sở cho việc thẩm định trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3.5. Dự toán xây dựng công trình được phê duyệt là cơ sở xác định giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu và đàm phán, ký kết hợp đồng xây dựng trong trường hợp chỉ định thầu, nếu có. Trường hợp giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu xác định trên cơ sở tổng mức đầu tư thì giá gói thầu được cập nhật theo dự toán xây dựng công trình đã phê duyệt.

4. Phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình

4.1. Người quyết định đầu tư, chủ đầu tư phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình với các nội dung quy định tại Điều 28 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng. Người quyết định đầu tư được phân cấp hoặc ủy quyền phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình theo quy định tại Khoản 1 Điều 72 của Luật Xây dựng. *(Đã nêu cụ thể ở các khoản 2, 3 mục này).*

4.2. Người quyết định đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình đối với dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng.

4.3. Mẫu tờ trình phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình theo quy định tại Phụ lục I của Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

5. Nội dung phê duyệt thiết kế xây dựng

5.1. Các thông tin chung về công trình: Tên công trình, hạng mục công trình (nêu rõ loại và cấp công trình); chủ đầu tư, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình; địa điểm xây dựng, diện tích sử dụng đất.

5.2. Quy mô, công nghệ, các thông số kỹ thuật và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu của công trình.

5.3. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng.

5.4. Các giải pháp thiết kế chính của hạng mục công trình và toàn bộ công trình.

5.5. Dự toán xây dựng công trình.

5.6. Những yêu cầu phải hoàn chỉnh bổ sung hồ sơ thiết kế và các nội dung khác (nếu có).

6. Thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng và thẩm định về môi trường, phòng, chống cháy, nổ và nội dung khác theo quy định của pháp luật

6.1. Vụ Kế hoạch – Tài chính, người quyết định đầu tư được mời tổ chức, cá nhân có chuyên môn, kinh nghiệm tham gia thẩm định thiết kế xây dựng hoặc

yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn tổ chức, cá nhân tư vấn đủ điều kiện năng lực hoạt động, năng lực hành nghề đã được đăng ký trên trang thông tin điện tử về năng lực hoạt động xây dựng để thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng làm cơ sở cho việc thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng. Chi phí thẩm tra, phí thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng được tính trong tổng mức đầu tư của dự án.

6.2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật có trách nhiệm thẩm định về môi trường, phòng, chống cháy, nổ và nội dung khác theo quy định của pháp luật khi thẩm định thiết kế xây dựng.

6.3. Vụ Kế hoạch – Tài chính, tổ chức, cá nhân thẩm tra, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm tra, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng do mình thực hiện.

6.4. Mẫu báo cáo kết quả thẩm định, thẩm tra dự toán xây dựng công trình theo hướng dẫn tại Phụ lục số 8 của Thông tư 06/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

7. Nghiệm thu hồ sơ thiết kế xây dựng công trình

7.1. Căn cứ nghiệm thu hồ sơ thiết kế xây dựng công trình:

- Hợp đồng giao nhận thầu thiết kế xây dựng công trình;

- Nhiệm vụ thiết kế, hồ sơ thiết kế bước trước đã được phê duyệt;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn được áp dụng;

- Hồ sơ thiết kế xây dựng công trình đã được chủ đầu tư tổ chức thẩm định và phê duyệt.

7.2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

- Người đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư;

- Người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thiết kế;

- Chủ nhiệm thiết kế xây dựng công trình.

7.3. Nội dung biên bản nghiệm thu hồ sơ thiết kế xây dựng công trình bao gồm: đối tượng nghiệm thu; thành phần trực tiếp nghiệm thu; thời gian và địa điểm nghiệm thu; đánh giá chất lượng và số lượng hồ sơ thiết kế đối chiếu với các yêu cầu kỹ thuật và yêu cầu của hợp đồng; kết luận nghiệm thu (chấp nhận hay không chấp nhận hồ sơ thiết kế; yêu cầu sửa đổi, bổ sung và các kiến nghị khác nếu có); chữ ký, họ tên, chức vụ người đại diện theo pháp luật và đóng dấu pháp nhân của các thành phần trực tiếp nghiệm thu.

7.4. Nghiệm thu hồ sơ thiết kế xây dựng công trình được thực hiện để phục vụ việc thanh toán, quyết toán, thanh lý hợp đồng thiết kế giữa chủ đầu tư và nhà thầu thiết kế xây dựng công trình.

Điều 16. Quy trình thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình

1. Sau khi nhận được hồ sơ, Vụ Kế hoạch – Tài chính chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình theo các nội dung quy định tại Điều 27 Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

2. Vụ Kế hoạch – Tài chính có trách nhiệm tổ chức thẩm định các nội dung của thiết kế, dự toán xây dựng công trình. Trong quá trình thẩm định, Vụ Kế hoạch – Tài chính chủ trì thẩm định được mời tổ chức, cá nhân có chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp tham gia thẩm định từng phần thiết kế xây dựng, thiết kế công nghệ, dự toán xây dựng công trình để phục vụ công tác thẩm định của mình.

Trường hợp không đủ điều kiện thực hiện công tác thẩm định, Vụ Kế hoạch – Tài chính yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn trực tiếp tổ chức, cá nhân có năng lực phù hợp đã đăng ký công khai thông tin năng lực hoạt động xây dựng trên Trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng để chủ đầu tư ký kết hợp đồng thẩm tra phục vụ công tác thẩm định. Trường hợp tổ chức, cá nhân tư vấn thẩm tra chưa đăng ký công khai thông tin năng lực hoạt động xây dựng trên Trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng thì phải được Vụ Kế hoạch – Tài chính chấp thuận bằng văn bản. Tổ chức tư vấn thiết kế không được thực hiện thẩm tra công trình do mình thiết kế.

3. Trong quá trình thẩm định thiết kế xây dựng, Vụ Kế hoạch – Tài chính có trách nhiệm yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định về môi trường, phòng, chống cháy, nổ và nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Thời hạn có văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định về môi trường, phòng, chống cháy, nổ và nội dung khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành nhưng không được vượt quá thời gian thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng quy định tại Khoản 4 mục này. Nếu quá thời hạn, các cơ quan, tổ chức liên quan không có văn bản trả lời thì được xem như đã chấp thuận về nội dung thẩm định và chịu trách nhiệm về lĩnh vực quản lý của mình.

4. Trường hợp Vụ Kế hoạch – Tài chính yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn trực tiếp đơn vị tư vấn thẩm tra theo quy định tại Khoản 2 mục này, trong thời gian 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Vụ Kế hoạch – Tài chính có văn bản thông báo cho chủ đầu tư các nội dung cần thẩm tra để chủ đầu tư lựa chọn, ký hợp đồng với tư vấn thẩm tra;

Thời gian thực hiện thẩm tra:

- Không vượt quá 20 (hai mươi) ngày đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt;

- 15 (mười lăm) ngày đối với công trình cấp II và cấp III;

- 10 (mười) ngày đối với các công trình còn lại.

Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi kết quả thẩm tra cho cơ quan chuyên môn về xây dựng, người quyết định đầu tư để làm cơ sở thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng.

5. Trong trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình gồm nhiều công trình có loại và cấp khác nhau thì Vụ Kế hoạch – Tài chính chủ trì tổ chức thực hiện thẩm định là cơ quan có trách nhiệm thực hiện thẩm định đối với công trình, hạng mục công trình chính của dự án đầu tư xây dựng công trình.

6. Đối với các công trình bí mật nhà nước, công trình theo lệnh khẩn cấp và công trình tạm thì việc thẩm định, phê duyệt thiết kế được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng công trình đặc thù.

7. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thẩm tra, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm tra, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng do mình thực hiện.

8. Thời gian thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ như sau:

- Không quá 40 (bốn mươi) ngày đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt;

- Không quá 30 (ba mươi) ngày đối với công trình cấp II và cấp III;

- Không quá 20 (hai mươi) ngày đối với các công trình còn lại.

Điều 17. Điều chỉnh thiết kế, dự toán

1. Điều chỉnh thiết kế xây dựng

1.1. Thiết kế xây dựng đã được phê duyệt chỉ được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

- Khi điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng có yêu cầu điều chỉnh thiết kế xây dựng;

- Trong quá trình thi công xây dựng có yêu cầu phải điều chỉnh thiết kế xây dựng để bảo đảm chất lượng công trình và hiệu quả của dự án.

1.2. Khi điều chỉnh thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 1 Điều này mà có thay đổi về địa chất công trình, tải trọng thiết kế, giải pháp kết cấu, vật liệu của kết cấu chịu lực, biện pháp tổ chức thi công ảnh hưởng đến an toàn chịu lực của công trình thì việc điều chỉnh thiết kế xây dựng phải được thẩm định và phê duyệt theo quy định tại Điều 82 của Luật này.

2. Điều chỉnh dự toán xây dựng công trình

2.1. Dự toán xây dựng công trình đã phê duyệt chỉ được điều chỉnh trong các trường hợp:

- Điều chỉnh tổng mức đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 7 Nghị định 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Thay đổi, bổ sung thiết kế nhưng không trái với thiết kế cơ sở hoặc thay đổi cơ cấu chi phí trong dự toán kể cả chi phí dự phòng nhưng không vượt tổng mức đầu tư xây dựng đã được phê duyệt;

2.2. Dự toán xây dựng công trình điều chỉnh gồm dự toán xây dựng công trình đã được phê duyệt cộng (hoặc trừ) phần giá trị tăng (hoặc giảm). Phần giá trị tăng (hoặc giảm) phải được thẩm tra, thẩm định làm cơ sở để phê duyệt dự toán xây dựng công trình điều chỉnh.

2.3. Chủ đầu tư tổ chức xác định dự toán xây dựng công trình điều chỉnh làm cơ sở để điều chỉnh giá hợp đồng, giá gói thầu và điều chỉnh tổng mức đầu tư.

2.4. Trường hợp chỉ điều chỉnh cơ cấu các khoản mục chi phí nhưng không làm thay đổi giá trị dự toán xây dựng đã được phê duyệt bao gồm cả chi phí dự phòng thì chủ đầu tư tổ chức điều chỉnh.

2.5. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự toán xây dựng công trình điều chỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 3, 5 Điều 11 Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

2.6. Phương pháp xác định dự toán xây dựng công trình điều chỉnh được hướng dẫn tại phần III Phụ lục số 2 của Thông tư 06/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

3. Điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình

3.1. Các trường hợp điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Xây dựng và Điều 11 của Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

3.2. Người quyết định đầu tư quyết định việc điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng công trình khi việc điều chỉnh này dẫn đến phải điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng.

Các trường hợp điều chỉnh khác do chủ đầu tư tự quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định điều chỉnh của mình. Chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo người quyết định đầu tư về nội dung điều chỉnh thiết kế xây dựng do mình quyết định thực hiện.

3.3. Vụ Kế hoạch – Tài chính thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh trong các trường hợp:

- Điều chỉnh thiết kế xây dựng do có thay đổi về địa chất công trình, tải trọng thiết kế, giải pháp kết cấu, vật liệu sử dụng cho kết cấu chịu lực (trừ

trường hợp làm tăng tính an toàn cho công trình) và biện pháp tổ chức thi công có ảnh hưởng đến an toàn chịu lực của công trình;

- Điều chỉnh dự toán xây dựng công trình do việc điều chỉnh dẫn đến làm vượt tổng mức đầu tư hoặc vượt dự toán xây dựng công trình đã được người quyết định đầu tư phê duyệt.

3.4. Đối với thiết kế, dự toán xây dựng công trình điều chỉnh thuộc thẩm quyền quyết định của chủ đầu tư theo quy định tại Khoản 3.2 mục này và không thuộc trường hợp phải thẩm định theo quy định tại Khoản 3.3 mục này, trong trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định làm cơ sở để xem xét, phê duyệt.

3.5. Việc phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình điều chỉnh của người quyết định đầu tư, chủ đầu tư gồm những nội dung được điều chỉnh hoặc toàn bộ nội dung của thiết kế, dự toán xây dựng công trình sau khi điều chỉnh. Người quyết định đầu tư, chủ đầu tư phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh do mình quyết định điều chỉnh theo quy định tại Khoản 3.2 mục này.

Điều 18. Lập thiết kế, dự toán

1. Căn cứ vào dự án được phê duyệt, chủ đầu tư tổ chức lập thiết kế, dự toán theo quy định của pháp luật hiện hành. Trong quá trình thực hiện, chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo cơ quan cấp trên của chủ đầu tư về phương án, giải pháp thiết kế, dây chuyền công nghệ, dự toán hạng mục và tổng dự toán; tổ chức hội nghị, hội thảo (nếu cần thiết) để lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia và các đơn vị có liên quan.

2. Ban Quản lý dự án được người quyết định đầu tư giao nhiệm vụ hoặc ban quản lý dự án do chủ đầu tư tự thành lập có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ theo ủy thác hoặc nhiệm vụ được Chủ đầu tư giao.

3. Cơ quan cấp trên của chủ đầu tư có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc Chủ đầu tư lập thiết kế, dự toán đảm bảo phù hợp với nội dung, quy mô và tiến độ theo dự án đầu tư đã được phê duyệt.

4. Các cơ quan chuyên môn thuộc Bộ tham gia đóng góp ý kiến về dự án theo chức năng nhiệm vụ được giao khi có văn bản đề nghị của Chủ đầu tư.

5. Chủ đầu tư có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ thiết kế, dự toán theo quy định hiện hành trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt đảm bảo đúng tiến độ.

Điều 19. Thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán

1. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt thiết kế, dự toán công trình, hạng mục công trình; thiết kế, dự toán thiết bị chuyên môn của dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Bộ tại khoản 1 Điều 13 Quy chế này, trừ các dự án được quy định tại khoản 3 điều này.

2. Thủ trưởng các đơn vị theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Quy chế này phê duyệt thiết kế, dự toán công trình, hạng mục công trình; thiết kế, dự toán thiết bị chuyên môn của dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc ủy quyền cho các chủ đầu tư phê duyệt.

3. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ủy quyền cho các chủ đầu tư phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình, hạng mục công trình xây dựng thuộc dự án chỉ có công trình từ cấp III trở xuống thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Bộ.

4. Tùy từng trường hợp cụ thể, Bộ có thể ủy quyền cho các chủ đầu tư phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình, hạng mục công trình đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Bộ không quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 20. Thẩm định và phê duyệt thiết kế, dự toán

1. Đối với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán của Bộ quy định tại Điều 19 Quy chế này, trình tự thẩm định, phê duyệt như sau:

1.1. Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì gửi văn bản (kèm theo hồ sơ) để lấy ý kiến tham gia thẩm định của các đơn vị chức năng có liên quan trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình duyệt (nếu thấy cần thiết).

1.2. Các đơn vị chuyên môn thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm đóng góp bằng văn bản sau 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Vụ Kế hoạch - Tài chính.

1.3. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ ý kiến thẩm định của các đơn vị liên quan, Vụ Kế hoạch - Tài chính tổng hợp, thẩm định yêu cầu đơn vị hoàn thiện hồ sơ (nếu cần thiết), trình lãnh đạo Bộ phê duyệt.

2. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định theo phân cấp tại Điều 19 Quy chế này, các đơn vị theo phân cấp, ủy quyền tổ chức thẩm định, phê duyệt theo quy định hiện hành.

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc (kể từ khi thiết kế, dự toán được phê duyệt), đơn vị có trách nhiệm gửi hai (02) bộ Quyết định phê duyệt kèm theo Báo cáo thẩm định và hồ sơ đã được đóng dấu chính thức về Bộ để theo dõi và quản lý. Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thẩm định và phê duyệt thiết kế, dự toán được Bộ phân cấp, ủy quyền bảo đảm tuân thủ đúng các quy định hiện hành. Trường hợp phát hiện vi phạm, báo cáo Lãnh đạo Bộ để xử lý kịp thời.

Điều 21. Điều chỉnh thiết kế, dự toán

1. Việc điều chỉnh thiết kế, dự toán không làm thay đổi mục tiêu, quy mô, không làm tăng tổng mức đầu tư của dự án, Chủ đầu tư tự quyết định và chịu trách

nhiệm về quyết định điều chỉnh của mình và báo cáo người quyết định đầu tư về nội dung điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng do mình quyết định thực hiện.

2. Trong trường hợp việc điều chỉnh thay đổi mục tiêu, quy mô hoặc làm tăng tổng mức đầu tư của dự án, Chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư xem xét, quyết định.

3. Trình tự thẩm định, quyết định điều chỉnh thiết kế, dự toán thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

4. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc (kể từ khi thiết kế, dự toán điều chỉnh được phê duyệt), đơn vị có trách nhiệm gửi hai (02) bộ Quyết định phê duyệt kèm theo Báo cáo thẩm định và hồ sơ đã được đóng dấu chính thức về Bộ để theo dõi và quản lý. Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thẩm định và phê duyệt thiết kế, dự toán điều chỉnh bảo đảm tuân thủ đúng các quy định hiện hành. Trường hợp phát hiện vi phạm, báo cáo Lãnh đạo Bộ để xử lý kịp thời.

Chương V
THANH TOÁN, QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG

Điều 22. Thanh toán vốn đầu tư

1. Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư, các đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện thanh toán vốn đầu tư công các dự án theo kế hoạch được giao, tiếp nhận và sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích, đúng chế độ Nhà nước; phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cho Bộ trưởng giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc liên quan đến thanh toán vốn đầu tư thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

2. Các chủ đầu tư, đơn vị được giao sử dụng vốn đầu tư công thuộc phạm vi quản lý của Bộ để thực hiện dự án đầu tư có trách nhiệm quản lý và sử dụng vốn đầu tư đảm bảo đạt mục tiêu, hiệu quả, tiến độ của dự án và phù hợp với quy định. Hết năm kế hoạch, lập bảng đối chiếu số liệu thanh toán vốn đầu tư năm gửi Kho bạc Nhà nước nơi chủ đầu tư giao dịch trước ngày 10 tháng 02 năm sau để xác nhận.

3. Khi kết thúc dự án, các chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán tạm ứng 100% các khoản đã tạm ứng tại Kho bạc nhà nước để thực hiện dự án đầu tư.

Điều 23. Quyết toán vốn đầu tư theo niên độ ngân sách hàng năm

1. Thẩm quyền xét duyệt, thẩm tra quyết toán vốn đầu tư theo niên độ được phân cấp theo thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư quy định tại Điều 13 Quy chế này.

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán theo niên độ và trình cơ quan có thẩm quyền xét duyệt, thẩm tra quyết toán theo quy định hiện hành về quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước theo niên độ.

3. Cơ quan cấp trên được phân cấp quản lý của chủ đầu tư có trách nhiệm xét duyệt quyết toán của các chủ đầu tư và tổng hợp báo cáo quyết toán năm các dự án thuộc phạm vi phân cấp theo quy định hiện hành về quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước theo niên độ.

4. Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định quyết toán vốn đầu tư theo niên độ hàng năm; tổng hợp và lập báo cáo quyết toán năm trình Bộ gửi Bộ Tài chính theo thời hạn quy định.

Điều 24. Quyết toán dự án hoàn thành

1. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành được phân cấp theo thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư quy định tại Điều 13 Quy chế này.

2. Về lập và trình duyệt báo cáo quyết toán dự án hoàn thành

Chủ đầu tư có trách nhiệm lập kế hoạch vận hành, duy trì hoạt động báo cáo Bộ xem xét, quyết định sau thời gian 45 ngày kể từ ngày công trình, hạng mục công trình của dự án được nghiệm thu hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng và lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì thẩm định kế hoạch vận hành và bố trí kinh phí duy trì vận hành cho công trình, hạng mục công trình, dự án hoàn thành và trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt.

Đối với công trình, hạng mục công trình độc lập đã hoàn thành, nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng sau 6 tháng (kể từ ngày ký biên bản bàn giao), chủ đầu tư căn cứ quy mô, tính chất và thời hạn xây dựng công trình, báo cáo người quyết định đầu tư xem xét, quyết định phê duyệt quyết toán hạng mục công trình. Giá trị quyết toán của hạng mục công trình bao gồm: chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, các khoản chi phí tư vấn và chi khác có liên quan trực tiếp đến hạng mục đó. Sau khi toàn bộ dự án hoàn thành, chủ đầu tư tổng hợp giá trị quyết toán của công trình, hạng mục công trình vào báo cáo quyết toán toàn bộ dự án và xác định mức phân bổ chi phí chung cho từng hạng mục công trình thuộc dự án, trình người có thẩm quyền phê duyệt.

3. Trách nhiệm của các đơn vị thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành

3.1. Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thẩm tra quyết toán hạng mục công trình, quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng.

Trong quá trình thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành, Vụ Kế hoạch - Tài chính phối hợp với các đơn vị chức năng có liên quan, tổ chức kiểm tra thực tế

tại địa điểm đầu tư. Kết quả kiểm tra phải được lập thành biên bản và tổ chức lưu trữ hồ sơ theo quy định.

3.2. Thủ trưởng các đơn vị được phân cấp phê duyệt quyết toán có trách nhiệm tổ chức thẩm tra, phê duyệt và chịu trách nhiệm về kết quả phê duyệt đối với các dự án được phân cấp.

4. Chế độ báo cáo.

4.1. Chủ đầu tư báo cáo tình hình quyết toán dự án hoàn thành định kỳ 06 tháng, hàng năm gửi cơ quan cấp trên của chủ đầu tư và cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán theo quy định hiện hành về chế độ báo cáo.

4.2. Cơ quan cấp trên của chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo tình hình quyết toán dự án hoàn thành thuộc phạm vi quản lý định kỳ 6 tháng, hàng năm gửi Bộ theo quy định.

4.3. Vụ Kế hoạch - Tài chính tổng hợp báo cáo của các đơn vị để trình Bộ phê duyệt để gửi Bộ Tài chính theo quy định.

Chương VI

TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Điều 25. Nguyên tắc tổ chức quản lý dự án đầu tư công

1. Đối với dự án có cấu phần xây dựng, người quyết định đầu tư giao chủ đầu tư ký hợp đồng với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng do Bộ quyết định thành lập để giúp chủ đầu tư tổ chức quản lý thực hiện dự án.

2. Các dự án cải tạo, sửa chữa, nâng cấp công trình quy mô nhỏ có tổng mức đầu tư dưới 05 tỷ đồng chủ đầu tư sử dụng tư cách pháp nhân và bộ máy chuyên môn trực thuộc trực tiếp quản lý dự án.

3. Trường hợp Ban Quản lý dự án do Bộ thành lập không đủ điều kiện năng lực để thực hiện một số công việc của dự án thì được phép thuê tổ chức, cá nhân đủ điều kiện năng lực để thực hiện.

4. Đối với dự án quy mô nhóm A có công trình xây dựng cấp đặc biệt, dự án áp dụng công nghệ cao được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xác nhận bằng văn bản, dự án về quốc phòng, an ninh có yêu cầu bí mật nhà nước chủ đầu tư quyết định thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng một dự án để thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án.

5. Đối với dự án không có cấu phần xây dựng, hình thức tổ chức quản lý dự án sẽ quy định trong quyết định đầu tư phù hợp với tính chất và năng lực thực hiện của đơn vị.

Điều 26. Trách nhiệm của chủ đầu tư và Ban Quản lý dự án

1. Đối với các dự án do người quyết định đầu tư giao chủ đầu tư ký hợp đồng với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng do Bộ quyết định thành lập để giúp chủ đầu tư tổ chức quản lý thực hiện dự án.

1.1. Chủ đầu tư có đề xuất về yêu cầu ủy thác quản lý dự án gửi Ban quản lý dự án để có thỏa thuận sơ bộ về việc nhận ủy thác quản lý dự án. Nội dung đề xuất cần mô tả cụ thể về dự án và các yêu cầu, phạm vi công việc quản lý dự án cần phải thực hiện.

1.2. Trên cơ sở thỏa thuận sơ bộ với Ban quản lý dự án, chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo người quyết định đầu tư chấp thuận việc giao nhiệm vụ quản lý dự án cho Ban quản lý dự án được dự kiến nhận ủy thác quản lý dự án.

1.3. Chủ đầu tư tổ chức đàm phán, ký kết hợp đồng ủy thác quản lý dự án theo quy định của pháp luật về hợp đồng xây dựng.

1.4. Khi thực hiện ủy thác quản lý dự án, chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức bộ phận chuyên môn trực thuộc để giám sát thực hiện hợp đồng ủy thác quản lý dự án và phối hợp để thực hiện các công việc theo quy định hiện hành.

1.5. Ban quản lý dự án có trách nhiệm thực hiện tổ chức quản lý dự án theo hợp đồng ủy thác của chủ đầu tư; chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư, Bộ trưởng và trước pháp luật về nội dung thực hiện.

2. Đối với các dự án do Chủ đầu tư tự thành lập Ban quản lý dự án để tổ chức quản lý dự án:

2.1. Chủ đầu tư sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc hoặc thuê các chuyên gia để quyết định thành lập Ban quản lý dự án.

2.2. Ban quản lý dự án có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án của chủ đầu tư; chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và trước pháp luật về nội dung thực hiện.

Điều 27. Các dự án phải kiểm tra, giám sát, đánh giá đầu tư

1. Các dự án có thời gian thực hiện đầu tư trên 12 tháng.

2. Các dự án khi điều chỉnh làm thay đổi địa điểm, mục tiêu, quy mô, tăng tổng mức đầu tư.

3. Dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A phải thực hiện đánh giá ban đầu, đánh giá giữa kỳ, đánh giá kết thúc và đánh giá tác động.

4. Dự án nhóm B, nhóm C phải thực hiện đánh giá kết thúc và đánh giá tác động.

Điều 28. Trách nhiệm của chủ đầu tư trong việc giám sát đánh giá đầu tư dự án

1. Tự tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra dự án toàn bộ quá trình từ chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án đến kết thúc dự án đưa vào bàn giao khai thác, sử dụng nhằm đảm bảo mục tiêu và hiệu quả đầu tư.

2. Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá ban đầu, đánh giá giữa kỳ và đánh giá kết thúc.

3. Cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin báo cáo vào Hệ thống thông tin quốc gia về giám sát, đánh giá đầu tư công.

4. Xây dựng khung giám sát, đánh giá dự án trước khi khởi công dự án.

5. Thiết lập hệ thống thông tin nội bộ, thu thập và lưu trữ đầy đủ thông tin, dữ liệu, hồ sơ, tài liệu, sổ sách, chứng từ của dự án, báo cáo của các nhà thầu, những thay đổi về chính sách, luật pháp của Nhà nước, các quy định của nhà tài trợ liên quan đến việc quản lý thực hiện dự án (nếu dự án có sử dụng nguồn vốn ODA).

6. Báo cáo kịp thời cơ quan quản lý cấp trên xử lý các vướng mắc, phát sinh vượt thẩm quyền.

7. Chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật do báo cáo, cung cấp thông tin không chính xác về tình hình thực hiện đầu tư trong phạm vi quản lý.

8. Giao Ban quản lý dự án hoặc chỉ định bộ phận chịu trách nhiệm thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ về giám sát, đánh giá đầu tư đối với các dự án thuộc phạm vi quản lý.

9. Lập báo cáo giám sát và đánh giá dự án gửi người có thẩm quyền quyết định đầu tư, cơ quan chủ quản và đơn vị đầu mối thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư các loại báo cáo sau:

9.1. Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ: Quý I, 6 tháng, quý III và năm.

9.2. Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi khởi công dự án.

9.3. Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi điều chỉnh dự án.

9.4. Báo cáo giám sát, đánh giá kết thúc dự án.

9.5. Đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A và dự án sử dụng nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương, đồng thời phải gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ 6 tháng, cả năm và báo cáo quy định tại các Điểm b, c và d mục này.

10. Phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính và cơ quan quản lý cấp trên để thực hiện việc kiểm tra, giám sát đánh giá đầu tư theo kế hoạch.

Điều 29. Trách nhiệm của các đơn vị cấp trên trực tiếp của chủ đầu tư

1. Đôn đốc các đơn vị chủ đầu tư trực thuộc thực hiện chế độ báo cáo theo quy định và thực hiện chế độ giám sát và đánh giá đầu tư do chủ đầu tư thực hiện.

2. Giám sát và đánh giá đầu tư các dự án do mình quyết định đầu tư theo phân cấp của Bộ; theo dõi các dự án do đơn vị trực thuộc làm chủ đầu tư.

3. Phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính và cơ quan liên quan để thực hiện việc kiểm tra, giám sát đánh giá đầu tư theo kế hoạch.

4. Tổng hợp báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư dự án do đơn vị trực thuộc làm chủ đầu tư trên cơ sở báo cáo của các chủ đầu tư trực thuộc gửi Bộ.

Điều 30. Trách nhiệm của Vụ Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị có liên quan trực thuộc Bộ

1. Vụ Kế hoạch - Tài chính là cơ quan chủ trì về giám sát và đánh giá đầu tư, thực hiện các nhiệm vụ sau:

1.1. Theo dõi các dự án đầu tư công thuộc quản lý của Bộ; tổng hợp báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư 6 tháng, năm gửi các cơ quan nhà nước.

1.2. Đôn đốc các đơn vị trực thuộc Bộ, chủ đầu tư báo cáo và thực hiện giám sát và đánh gía đầu tư.

1.3. Lập kế hoạch giám sát và đánh giá đầu tư dự án trình lãnh đạo Bộ phê duyệt trước ngày 15 tháng 01 hàng năm; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện kế hoạch giám sát và đánh giá đầu tư theo quy định.

1.4. Tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch giám sát và đánh giá đầu tư, báo cáo Lãnh đạo Bộ trong thời gian 30 ngày kể từ ngày kết thúc kế hoạch.

1.5. Kiến nghị với Lãnh đạo Bộ việc điều chỉnh dự án khi cần thiết hoặc hủy bỏ quyết định đầu tư, đình chỉ, tạm dừng thực hiện các dự án đầu tư nếu trong quá trình giám sát, đánh giá đầu tư phát hiện có những sai phạm nghiêm trọng. Báo cáo Lãnh đạo Bộ về việc vi phạm các quy định về giám sát, đánh giá đầu tư của chủ đầu tư, đơn vị liên quan và kiến nghị các biện pháp xử lý theo mức độ vi phạm.

2. Các đơn vị chức năng có liên quan trực thuộc Bộ căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính thực hiện giám sát và đánh giá đầu tư dự án khi được yêu cầu.

Điều 31. Thời gian thực hiện báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư

Các đơn vị dưới đây thực hiện chế độ báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư theo biểu mẫu báo cáo quy định tại Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 12 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cụ thể như sau:

1. Chủ đầu tư:

1.1. Gửi báo cáo trước khi khởi công dự án 15 ngày.

1.2. Gửi báo cáo trước khi trình điều chỉnh dự án.

1.3. Gửi báo cáo trước khi bắt đầu khai thác, vận hành dự án 15 ngày.

1.4. Gửi báo cáo quý trước ngày 10 của tháng đầu quý tiếp theo.

1.5. Gửi báo cáo 6 tháng trước ngày 10 tháng 7 của năm báo cáo.

1.6. Gửi báo cáo năm trước ngày 10 tháng 02 năm sau.

2. Cơ quan cấp trên trực tiếp của chủ đầu tư:

2.1. Tổng hợp gửi báo cáo 6 tháng trước ngày 15 tháng 7 của năm báo cáo;

2.2. Tổng hợp gửi báo cáo năm trước ngày 15 tháng 02 năm sau.

3. Vụ Kế hoạch - Tài chính trình báo cáo để Lãnh đạo Bộ ký gửi các cơ quan nhà nước trước ngày 25 tháng 7 đối với báo cáo 6 tháng và trước ngày 25 tháng 02 năm sau đối với báo cáo năm.

Điều 32. Giám sát theo dõi hoạt động đấu thầu

1. Người quyết định đầu tư quyết định việc giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu, đặc biệt đối với các chủ đầu tư thường bị nhà thầu thắc mắc, kiến nghị; đối với các gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu; đối với các gói thầu có giá trị lớn, đặc thù, yêu cầu cao về kỹ thuật.

2. Yêu cầu về giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu phải quy định trong quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu, trong đó nêu cụ thể gói thầu có yêu cầu về giám sát, theo dõi và tên của cá nhân hoặc đơn vị thực hiện giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu.

3. Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ, đề xuất đơn vị, cá nhân thực hiện giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu trình Bộ trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định.

4. Chủ đầu tư, Bên mời thầu có trách nhiệm cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin về việc thực hiện những gói thầu phải thực hiện giám sát, theo dõi cho cá nhân hoặc đơn vị thực hiện giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu trong quá trình lựa chọn nhà thầu để bảo đảm tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 33. Xử lý vi phạm trong quản lý dự án đầu tư công

Các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định tại Quy chế này và các quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng vốn đầu tư công chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và pháp luật.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. Tổ chức thực hiện

1. Các đơn vị liên quan thuộc Bộ tổ chức thực hiện Quy chế này và tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các văn bản hiện hành liên quan đến đầu tư và xây dựng.

2. Trong quá trình thực hiện, Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn; tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Bộ những vướng mắc, phát sinh để kịp thời bổ sung, điều chỉnh.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật mà Quy chế này dẫn chiếu áp dụng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

BỘ TRƯỞNG

Trần Hồng Hà